TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2017/KDTM-ST
Ngày: 14/11/2017
V/v tranh chấp hợp đồng đại lý và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bảo Lâm

Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2017/TLST-KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng đại lý và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2017/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Đường P, Phường B, Tp. V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần N; địa chỉ: Đường L, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Thu T2; địa chỉ: Đường V, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2017).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hữu T3; địa chỉ: Đường P, Phường B, Tp. V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2016, lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Về hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp: Tôi là nhà phân phối bán hàng đa cấp cho Công ty cổ phần N từ tháng 12/2015. Tháng 4/2016, tôi và lãnh đạo Công ty cổ phần N (sau đây gọi tắt là công ty) đã gặp gỡ trao đổi về việc lên cấp bậc Ruby cho bà tôi. Theo đó, để lên cấp bậc Ruby, tôi phải nộp tổng cộng 29,75 gói kim cương, tổng cộng 2975 mã, mỗi mã giá 9.600.000đ, tương đương số tiền 28.560.000.000đ. Tôi sẽ được nhận 2975 mã hàng thực phẩm chức năng, đồng thời được cấn trừ trước các loại hoa hồng của tháng kể từ khi nộp tiền là tôi được cấn trừ hơn 50% giá trị của 2975 gói kim cương tương đương 14.000.000.000đ, hàng tháng hoa hồng của cấp bậc Ruby là 3% hệ thống và 2% doanh thu toàn quốc. Từ ngày 05/4/2016 đến ngày 06/6/2016, tôi đã nộp cho công ty tổng cộng 14.091.600.000đ. Sau khi nộp số tiền này, công ty vẫn chưa chốt được tiền hoa hồng cụ thể để nâng lên cấp bậc Ruby cho tôi nên giữa tôi và công ty chưa ký hợp đồng, chưa nhận phiếu nhận hàng. Do vẫn chưa nhận được hoa hồng và hàng hóa như đã thỏa thuận nên tôi đã khởi kiện tại Tòa án buộc công ty phải trả lại cho tôi số tiền đã nộp như trên.

Về hợp đồng vay tài sản: Tháng 8/2016 tôi cho công ty vay số tiền 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng)* trong thời hạn 03 tháng, không thoả thuận lãi, để lo việc công ty và các bên đã giao nhận tiền xong, công ty đã viết phiếu thu ngày 28/8/2016 cho tôi. Đến nay đã quá thời hạn 03 tháng mà công ty vẫn không thanh toán cho tôi nên tôi khởi kiện yêu cầu công ty phải trả số tiền này.

Bị đơn Công ty cổ phần N do ông Nguyễn Thế D là người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Từ ngày 29/4/2016 đến khoảng đầu tháng 6/2016, bà Nguyễn Thị T1 đã nộp cho ông M trên 10 tỷ đồng và bà Kiều Thu H gần 03 tỷ đồng, tổng cộng khoảng hơn 14 tỷ đồng, sẽ có đối chiếu bằng phiếu thu và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Hữu T3, tại đơn xin vắng mặt đề ngày 26/7/2017, trình bày: Tôi có nhận được giấy triệu tập của Toà án nhưng tôi không thể có mặt vì đó là tài sản riêng của vợ tôi, không liên quan đến quyền lợi của tôi và đề nghị Tòa án cho phép tôi được vắng mặt trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Yêu cầu 1: Thỏa thuận nâng lên cấp bậc Ruby về hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp giữa tôi và công ty vô hiệu; buộc công ty trả lại tôi số tiền đã nhận. Từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016, công ty đã nhận của tôi 14.091.600.000đ *(Mười bốn tỷ không trăm chín mươi mốt triệu sáu trăm ngàn đồng)*. Do 02 phiếu thu tiền ngày 10/5/2016 và 13/5/2016 có tổng số tiền là 19.200.000đ *(Mười chín triệu hai trăm ngàn đồng)* không có dấu của công ty nên tôi rút yêu cầu buộc công ty trả lại tôi số tiền này. Như vậy, công ty phải thanh toán lại cho tôi số tiền

đã nhận là 14.072.400.000đ *(Mười bốn tỷ không trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng)*.

- Yêu cầu 2: Đối với số tiền 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng)* công ty đã vay, tôi yêu cầu công ty thanh toán ngay cho tôi.

Cả 02 khoản tiền này, tôi yêu cầu công ty phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực.

Bị đơn Công ty cổ phần N do bà Lê Thị Thu T2 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Các cổ đông trong công ty không thống nhất được ý kiến, công ty không còn tài sản để chi trả, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng đại lý giữa các đương sự là các thương nhân, giao dịch giữa các đương sự nhằm mục đích lợi nhuận; do đó vụ án này được xác định là vụ án kinh doanh thương mại. Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại quận Tân Bình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngày 12/6/2017, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn. Việc giải quyết yêu cầu này của đương sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Lê Hữu T3 là người đang có quan hệ hôn nhân với nguyên đơn. Do đó, Tòa án phải đưa ông Lê Hữu T3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, sau đó có đơn rút yêu cầu này nên Tòa án không giải quyết.

[1.4] Về thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa hôm nay, việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71 và Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên toà đã đủ cơ sở xác định:

Các hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp và biên bản gửi hàng ngày 31/01/2016, ngày 06/3/2016, Thẻ hội viên số VIP 0013 cấp ngày 02/6/2016 của Công ty cổ phần N cho nguyên đơn.

Các phiếu thu của Công ty cổ phần N gồm: Ngày 05/4/2016 thu 19.200.000đ, ngày 20/4/2016 thu 163.800.000đ, ngày 25/4/2016 thu 5.000.000.000đ, ngày 29/4/2016 thu 4.800.000.000đ, ngày 10/5/2016 thu 76.800.000đ, ngày 10/5/2017 thu 1.600.000.000đ, ngày 16/5/2016 thu 163.200.000đ, ngày 31/5/2016 thu 1.500.000.000đ, ngày 06/6/2016 thu 500.000.000đ, ngày 06/6/2016 thu 250.000.000đ; tổng cộng: 14.072.400.000đ *(Mười bốn tỷ không trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng)*.

Giấy vay tiền và Phiếu thu ngày 28/8/2016 của Công ty cổ phần N với số tiền 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng)*, thời hạn vay 03 *(Ba)* tháng.

Các công văn thu thập chứng cứ tại Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh và kết quả kèm theo.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2.1] Yêu cầu 1: Căn cứ các hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp và biên bản gửi hàng ngày 31/01/2016, ngày 06/3/2016, Thẻ hội viên số VIP 0013 cấp ngày 02/6/2016 của Công ty cổ phần N cho nguyên đơn đã đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng đại lý; trong đó, bị đơn là bên giao đại lý, còn nguyên đơn là bên đại lý.

Ngày 19/4/2017, Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 3428/SCT-QLXNK cung cấp thông tin về hoạt động bán hàng đa cấp của bị đơn: "Cục quản lý cạnh tranh thông báo về việc đã ban hành Quyết định số 262/QĐ-QLCT ngày 01/11/2016 xử phạt và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty cổ phần N". Tại điểm c khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp quy định:

"1. Các trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bị thu hồi theo quy định tại Điều 14 Nghị định này".

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016 bị đơn đã thu tiền bán hàng của nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền 14.072.400.000đ *(Mười bốn tỷ không trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng)* nhưng vẫn không ký hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với nguyên đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 42/NĐ-CP *"Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải ký kết hợp đồng bán hàng đa cấp bằng văn bản với người tham gia bán hàng đa cấp"*, đến ngày 01/11/2016 bị đơn bị thu hồi giấy chứng nhận bán hàng đa cấp nên không thể tiếp tục ký hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với nguyên đơn, đây là lỗi của bị đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu vô hiệu đối với thỏa thuận hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp về việc nâng lên cấp bậc Ruby và buộc bị đơn phải hoàn trả lại số tiền đã nhận là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2] Yêu cầu 2: Đối với số tiền vay 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng)*.

Căn cứ Công văn số 7025/PĐKKD-KT ngày 12/9/2017 của Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp và tài liệu kèm theo, Công ty cổ phần N đăng ký lần đầu ngày 19/11/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/9/2016, cả hai lần đăng ký này người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Đ. Do đó, nguyên đơn căn cứ vào giấy vay tiền với số tiền 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng)*, thời hạn vay 03 tháng và Phiếu thu ngày 28/8/2016 của Công ty cổ phần N buộc bị đơn phải thanh toán ngay một lần là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại và án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 166; 167; 168; 176 và 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ các Điều 16; Điều 24 Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

- Căn cứ khoản 2 Điều 117, Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 688 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 290; 471 và 474 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 đối với bị đơn Công ty cổ phần N:

1.1. Thỏa thuận hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp về việc nâng lên cấp bậc Ruby giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn Công ty cổ phần N vô hiệu. Buộc bị đơn phải thanh toán lại tổng số tiền đã nhận 14.072.400.000đ *(Mười bốn tỷ không trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng)*. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

1.2. Buộc bị đơn Công ty cổ phần N phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền 1.000.000.000đ *(Một tỷ đồng)*. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần N phải chịu 122.072.200đ *(Một trăm hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm đồng)*.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần N phải chịu 42.000.000đ *(Bốn mươi hai triệu đồng)*.

2.3. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền tạm ứng án phí 61.050.500đ *(Sáu mươi mốt triệu không trăm năm mươi ngàn năm trăm đồng)* theo biên lai thu số 0012102 ngày 25/01/2017 và 21.000.000đ theo biên lai thu số 0006380 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Phước Lý

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.